

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CƠ BẢN 2**

**Số tín chỉ: 04
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Không chuyên**

Năm 2016

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIẾNG ANH CƠ BẢN 2

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Anh Cơ bản 2

2. Mã học phần: TANH 102

3. Số tín chỉ: 04(4,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất

5. Phân bố thời gian:

- Lên lớp: 60 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành

- Tự học: 120 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã hoàn thành học phần Tiếng Anh cơ bản 1.

7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	<u>Trang.phamhuyen88@gmail.com</u>
5	ThS. Trần Hoàng Yên	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com
8	ThS. Đặng Thị Thanh	0345356658	<u>Dangthanhhhd79@gmail.com</u>
9	ThS. Đặng Thị Minh Phương	0352598717	<u>phuongdhsd@gmail.com</u>

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 12 bài học cung cấp lượng từ vựng và cấu trúc tiếng Anh căn bản trình độ trung cấp (Intermediate). Luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề giao tiếp trong đời sống xã hội hàng ngày trên cơ sở lượng từ vựng 1000 từ và kiến thức ngữ pháp về các lĩnh vực: động từ ở thời hiện tại đơn, tiếp diễn, hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn; mệnh đề quan hệ; câu điều kiện loại 1,2; danh động từ, động từ nguyên thể (gerund & infinitive); các cấu trúc so sánh hơn, so sánh nhất ; động từ khuyết thiếu; câu trực tiếp, gián tiếp.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	Liệt kê từ vựng về các chủ điểm: Công việc, giải trí, nhân vật, sự kiện, du lịch, cuộc sống thường ngày. Trình bày cấu trúc và cách sử dụng: Đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu, giới từ chỉ thời gian địa điểm; các thời động từ: hiện tại đơn, tiếp diễn, hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn; mệnh đề quan hệ; câu điều kiện loại 1,2; danh động từ, động từ nguyên thể (gerund & infinitive); các cấu trúc so sánh hơn, so sánh nhất; động từ khuyết thiếu; câu trực tiếp, gián tiếp.	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt sự khác nhau giữa các thì, câu điều kiện, từ loại.	2	[1.2.1.1b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Nói về các chủ điểm thông thường trong đời sống xã hội: Công việc thường ngày, các loại hình giải trí, miêu tả, địa điểm yêu thích.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Nghe hiểu các đoạn hội thoại, đọc thoại về các chủ điểm giao tiếp thông thường. Đọc hiểu đoạn văn 300-500 từ về các chủ điểm trong chương trình.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Viết được các đoạn văn 150-180 từ về các chủ điểm trong chương trình	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong	3	[1.2.3.1]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	công việc tương lai.		
MT3.2	Sinh viên có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	Kiến thức		
CĐR1.1	Trình bày được các từ vựng diễn đạt các chủ điểm giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày: Công việc, giải trí, nhân vật, sự kiện, du lịch, cuộc sống thường ngày.	1	[2.1.3]
CĐR1.2	Giải thích được các cấu trúc tiếng Anh ở trình độ trung cấp (Intermediate): Thì hiện tại đơn, tiếp diễn, hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn; mệnh đề quan hệ; câu điều kiện loại 1, 2; danh động từ, động từ nguyên thể (gerund & infinitive); các cấu trúc so sánh hơn, so sánh nhất; động từ khuyết thiếu; câu trực tiếp, gián tiếp.	2	[2.1.3]
CĐR2	Kĩ năng		
CĐR2.1	Giới thiệu bản thân và những người khác, hỏi và trả lời các câu hỏi về các chủ điểm thông thường trong đời sống xã hội: Công việc thường ngày, các loại hình giải trí, miêu tả, địa điểm yêu thích	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Có thể giao tiếp một cách đơn giản, nói lưu loát, rõ ràng.	3	[2.2.8]
CĐR3	Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CDR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CDR1		CDR2		CDR3		
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2	CDR 3.3
1	Unit 1: All work and no play 1.1. Reading 1.1. Vocabulary: Work and leisure 1.2. Focus on grammar: Review of auxiliary verb, responding with <i>so</i> and <i>neither</i> 1.3 Language in action: Making conversation 1.4. Listening 1.5. Language in action 1.6. Speaking 1.7. Reading 1.8. In conversation 1.9. Vocabulary: Chores 1.10. Focus on grammar: <i>Gerunds and infinitives</i>	X	X	X	X	X		X
2	Unit 2: Making sense 2.1. Reading 2.2. Focus on grammar: <i>More uses of present continuous</i> 2.3. Vocabulary: <i>Expressions with GET</i> 2.4. Vocabulary: Word building (noun suffixes) 2.5. Know how: Word stress 2.6. Language in action: Talking about language 2.7. Focus on grammar: Stative verbs 2.8. Speaking 2.9. Writing	X	X	X	X	X	X	X
3	Unit 3: Big screen, Small screen	X	X	X	X	X	X	X

	<p>3.1. Vocabulary: Types of movies</p> <p>3.2. Focus on grammar: Present perfect simple</p> <p>3.3 Speaking</p> <p>3.4. Language in action: Opinion</p> <p>3.5. Vocabulary: Adj. with <i>ed</i> and <i>ing</i> endings</p> <p>3.6. Focus on grammar: Obligation and permission</p> <p>3.7. Speaking</p>							
4	<p>Unit 4: In the mind's eye</p> <p>4.1. Vocabulary: Common expressions with come & go</p> <p>4.2. Focus on grammar: Past continuous</p> <p>4.3. Speaking</p> <p>4.4. Reading: A memory artist</p> <p>4.5. Focus on grammar: Comparative: Review & extension</p> <p>4.6. Vocabulary: Compound Adj.</p> <p>4.7. Language in action: Trying to remember</p>	X	X	X	X	X	X	X
5	<p>Unit 5: Stuff of life</p> <p>5.1. Reading: A special guitar</p> <p>5.2. Focus on grammar: Relative clauses</p> <p>5.3. Vocabulary: Adj of materials</p> <p>5.4. Vocabulary: parts of things and how things work</p> <p>5.5. Focus on Grammar: Structures with phrasal verbs: <i>Word order</i></p> <p>5.6 .Speaking</p> <p>5.7. Reading: Inventing creatively</p>	X	X	X	X	X	X	X
6	<p>Unit 6: Interesting characters</p> <p>6.1. Reading: Types of Friends</p> <p>6.2. Speaking</p> <p>6.3. Vocabulary: Prepositions with verbs and adjectives</p> <p>6.5. Focus on grammar: Present simple & Past simple</p> <p>6.6. Language in action: Meeting & introducing people.</p> <p>6.7 Focus on grammar: Gerund as a subject and after prepositions</p> <p>6.8. Vocabulary: Adj. prefixes: un, dis, im</p>	X	X	X	X	X	X	X
7	Unit 7: Trade & treasure	X	X	X	X	X	X	X

	<p>7.1. Vocabulary: Money</p> <p>7.2. Focus on grammar: Tag questions: Simple present & simple past</p> <p>7.3. Speaking</p> <p>7.4. Vocabulary: Expressions with <i>make & do</i></p> <p>7.5. In conversation</p> <p>7.6. Focus on grammar: Will vs. be going to</p> <p>7.7. Know how: dealing with mistakes</p>							
8	<p>Unit 8: A taste of it</p> <p>8.1. Speaking & listening Food history quiz</p> <p>8.2. Focus on Grammar Passive voice: <i>present simple & past simple</i></p> <p>8.3. Vocabulary: Food preparation & cooking</p> <p>8.4. Know how: Consonant cluster</p> <p>8.5. Speaking</p> <p>8.6. Language in action: Explaining and giving reasons</p> <p>8.7. Listening</p> <p>8.8. Vocabulary: Common uncountable nouns</p> <p>8.9. Focus on Grammar: Use of the and quantifiers</p> <p>8.10. Reading: Ostrich mania</p> <p>8.11. Speaking & writing</p>	X	X	X	X	X	X	X
9	<p>Unit 9: By land & by the sea</p> <p>9.1 Listening: Song</p> <p>9.2 Speaking: On the road again</p> <p>9.3 Listening: Listen to people talking about their best and worst travel experiences</p> <p>9.4 Vocabulary: Travel expressions</p> <p>9.5 In conversation: What's the problem? Listen, then read.</p> <p>9.6 Focus on grammar: Present perfect continuous</p> <p>9.7 Language in action: Travel arrangements</p> <p>9.8 Writing: Your most interesting travel story</p> <p>9.9 Reading: Book review: 8 men & a duck</p> <p>9.10. Prepositions and nouns</p>	X	X	X	X	X	X	X

	<p>9.11. Listening: Listen and answer the questions</p> <p>9.12. Focus on grammar: used to V</p> <p>9.13 Know how: Improving fluency</p>							
10	<p>Unit 10: Hard to believe</p> <p>10.1 Listening</p> <p>10.2 Vocabulary: Easily confused verbs</p> <p>10.3 Focus on Grammar First conditional</p> <p>10.4 Language in action: Saying what you believe or don't believe</p> <p>10.7 Know how: Common vowel sounds</p> <p>10.8 Reading: Reading faces</p> <p>10.9 In conversation</p> <p>10.10 Focus on grammar Advisability: Modals and expressions</p> <p>10.11 Listening</p> <p>10.12 Vocabulary: Phrasal verbs</p>	X	X	X	X	X	X	X
11	<p>Unit 11: Down to earth</p> <p>11.1 Speaking</p> <p>11.2 Vocabulary: Geography</p> <p>11.3 Listening</p> <p>11.4 Focus on grammar: Modals: Possibility</p> <p>11.5 Reading</p> <p>11.6 Vocabulary: Prep. of movement</p> <p>11.7 Language in action; Directions</p> <p>11.8 Listening</p> <p>11.9 Writing</p> <p>11.10 In conversation</p> <p>11.11 Focus on Grammar Reported requests with ask,tell, want</p> <p>11.12 Know how: Choosing vocabulary to learn</p> <p>11.13 Speaking</p>	X	X	X	X	X	X	X
12	<p>Unit 12: The right approach</p> <p>12.1. Reading</p> <p>12.2. Vocabulary: Expressions with <i>get, make, take</i></p> <p>12.3. Focus on grammar: Second conditional</p> <p>12.4. Vocabulary: Jobs and work</p> <p>12.5. Writing</p>	X	X	X	X	X	X	X

12.6. Speaking: Work in groups and answer the questions 12.7. Reading: Social customs 12.8. In conversation: 12.9. Focus on grammar Making indirect questions 12.10 Know how: Intonation patterns 12.11. Language in action: Politeness * Review							
--	--	--	--	--	--	--	--

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Trắc nghiệm Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng TTKT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trực tiếp trên máy tính. Nội dung thi kết thúc học phần gồm các loại câu hỏi:

- + Đọc đoạn văn và chọn từ điền vào chỗ trống
- + Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi
- + Chọn từ điền vào chỗ trống
- + Chọn câu viết lại đúng nhất với câu cho trước
- + Khoanh tròn đáp án có lỗi sai

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng, hướng dẫn giao nhiệm vụ về nhà cho sinh viên tự học theo cá nhân hoặc theo nhóm sau đó thuyết trình nội dung chuẩn bị trên lớp. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, hội thoại tiếng Anh trình độ sơ cấp.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học tập:

- **Tài liệu bắt buộc:**

[1] **Sách, giáo trình chính:** *KnowHow - Student book & Workbook 2*, Angela Blackwell Therese Naber, Oxford.

- **Tài liệu tham khảo**

[2] *English grammar in use*, Raymond Murphy, Nhà xuất bản lao động.

[3] *Từ điển Anh-Việt, Việt - Anh.*

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<p>Unit 1: All work and no play</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none">- Trình bày các từ vựng chỉ công việc và giải trí, các công việc trong gia đình- Hiểu và phân biệt cách sử dụng Gerund và Infinitive.- Hội thoại nói về các hoạt động hàng ngày. <p>Nội dung cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none">1.1. Reading1.1. Vocabulary: Work and leisure1.2. Focus on grammar: Review of auxiliary verb, responding with <i>so</i> and <i>neither</i>1.3 Language in action: Making conversation1.4. Listening1.5. Language in action1.6. Speaking	4		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none">- Hệ thống lại dạng thức và các sử dụng các thời của động từ.- Tra từ điển mục 1 (tr.1) giáo trình Know how 2.- Hoàn thành các bài tập trang 1,2 phần bài tập.- Lập hội thoại theo chủ đề mục 5 trang 3.- Đọc, tóm tắt bài đọc mục 7 trang 3.4- Hoàn thành bài tập mục 1.10 trang 6.- Hoàn thành bài tập trang 3,4,5 phần bài tập- Hoàn thành bài tập mục 2 trang 20.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	1.7. Reading 1.8. In conversation 1.9. Vocabulary: Chores 1.10. Focus on grammar: <i>Gerunds and infinitives</i>				
2	Unit 2: Making sense Mục tiêu: - Trình bày các cụm từ kết hợp với động từ Get, các hậu tố của danh từ - Hiểu và sử dụng đúng các động từ tình thái. - Hội thoại nói về ngôn ngữ. Nội dung cụ thể: 2.1. Reading 2.2. Focus on grammar: <i>More uses of present continuous</i> 2.3. Vocabulary: <i>Expressions with GET</i> 2.4. Vocabulary: Word building (noun suffixes) 2.5. Know how: Word stress 2.6. Language in action: Talking about language 2.7. Focus on grammar: Stative verbs 2.8. Speaking 2.9. Writing	4		[1] [2] [3]	- Tra từ điển mục 1 trang 9 - Liệt kê được các cụm từ đi kèm với động từ GET (mục 3 trang 10). - Tìm hiểu các hậu tố cấu tạo từ (mục 5 trang 11) - Hoàn thành bài tập trang 6.7 phần bài tập. - Hoàn thành bài tập mục 9 trang 13 - Tìm hiểu về <i>stative verbs</i> (mục 11 trang 15) tài liệu [2] - Hoàn thành bài tập trang 8.9.10 phần bài tập
3	Unit 3: Big screen, Small screen	4		[1] [2]	- Luyện đọc các từ vựng chỉ các thể loại phim (mục

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến phim ảnh, các tính từ tận cùng ed và ing. - Hiểu và sử dụng cấu trúc thì hiện tại hoàn thành, cấu trúc câu chỉ sự bắt buộc và cho phép. - Hội thoại nói về quan điểm cá nhân về một vấn đề nào đó. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>3.1. Vocabulary: Types of movies</p> <p>3.2. Focus on grammar: Present perfect simple</p> <p>3.3 Speaking</p> <p>3.4. Language in action: Opinion</p> <p>3.5. Vocabulary: Adj. with <i>ed</i> and <i>ing</i> endings</p> <p>3.6. Focus on grammar: Obligation and permission</p> <p>3.7. Speaking</p>			[3]	<p>2 trang 17).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống lại dạng thức thời hiện tại hoàn thành (mục 3 trang 18) - Hoàn thành bài tập trang 11.12 phần bài tập. - Đọc và hoàn thành các bài tập bài 13 trang 43 TLTK [2] - Hoàn thành bài tập mục 9 trang 21, mục 10 trang 22, mục 11 trang 23.
4	<p>Unit 4: In the mind's eye</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các cụm từ kết hợp với Come và Go, các tính từ ghép. - Hiểu và sử dụng cấu trúc thì quá khứ đơn tiếp 	4		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống được các cụm từ đi kèm với COME & GO - Hoàn thành bài tập mục 2 trang 27, mục 3 trang 28, mục 5 trang 29. - Hoàn thành bài tập trang 16.17 phần bài tập

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>diễn.</p> <p>- Hội thoại kể về một sự kiện nào đó.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.1. Vocabulary: Common expressions with come & go</p> <p>4.2. Focus on grammar: Past continuous</p> <p>4.3. Speaking</p> <p>4.4. Reading: A memory artist</p> <p>4.5. Focus on grammar: Comparative: Review & extension</p> <p>4.6. Vocabulary: Compound Adj.</p> <p>4.7. Language in action: Trying to remember</p>				<p>- Đọc và hoàn thành các bài tập bài 12 trang 40. TLTK [2]</p> <p>- Tổng hợp dạng thức và nêu ví dụ các trường hợp so sánh của tính từ & trạng từ.</p>
5	<p>Unit 5: Stuff of life</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Trình bày các từ vựng chỉ vật liệu, cấu tạo của đồ vật.</p> <p>- Hiểu và sử dụng đúng các đại từ quan hệ, sắp xếp trật tự từ trong câu.</p> <p>- Hội thoại nói về một đồ vật sáng tạo nào đó.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>5.1. Reading: A special guitar</p> <p>5.2. Focus on grammar: Relative clauses</p>	4		[1] [2] [3]	<p>- Hoàn thành bài tập mục 1 trang 35, mục 2 trang 36</p> <p>- Hoàn thành bài tập trang 21.22 phần bài tập.</p> <p>- Chuẩn bị bài nói mục 11 trang 40</p> <p>- Chuẩn bị từ vựng và làm trước bài tập phần reading trang 41 TL [1]</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	5.3. Vocabulary: Adj of materials 5.4. Vocabulary: parts of things and how things work 5.5. Focus on Grammar: Structures with phrasal verbs: <i>Word order</i> 5.6 .Speaking 5.7. Reading: Inventing creatively				
6	Unit 6: Interesting characters Mục tiêu: - Trình bày các động từ và tính từ kết hợp với giới từ, hậu tố của tính từ. - Phân biệt thì quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn. - Hội thoại gặp gỡ và giới thiệu bạn bè. Nội dung cụ thể: 6.1. Reading: Types of Friends 6.2. Speaking 6.3. Vocabulary: Prepositions with verbs and adjectives 6.5. Focus on grammar: Present simple & Past simple 6.6. Language in action: Meeting & introducing	4		[1] [2] [3]	- Hoàn thành bài tập mục 1 trang 43. - Chuẩn bị bài nói mục 2 trang 43, mục 3 trang 44 - So sánh sự khác biệt giữa 2 thì: Hiện tại đơn & quá khứ đơn. - Hoàn thành bài tập trang 26.27 phần bài tập - Hoàn thành bài tập mục 10 trang 47, mục 11 trang 48. - Hoàn thành bài tập trang 28.29.30 phần bài tập

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>people.</p> <p>6.7 Focus on grammar: Gerund as a subject and after prepositions</p> <p>6.8. Vocabulary: Adj. prefixes: un, dis, im</p>				
7	<p>Unit 7: Trade & treasure</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến tiền - Phân biệt thì hiện tại đơn và quá khứ đơn. - Hội thoại nói về cách giải quyết một vấn đề gì đó. Nội dung cụ thể: <p>7.1. Vocabulary: Money</p> <p>7.2. Focus on grammar: Tag questions: Simple present & simple past</p> <p>7.3. Speaking</p> <p>7.4. Vocabulary: Expressions with <i>make & do</i></p> <p>7.5. In conversation</p> <p>7.6. Focus on grammar: Will vs. be going to</p> <p>7.7. Know how: dealing with mistakes</p>	4		<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành bài tập mục 2 trang 53, mục 3 trang 54, chuẩn bị dàn ý bài nói mục 4 trang 54 - Tra từ điển và hoàn thành mục c,d bài đọc 5 trang 55.56 - Hoàn thành bài tập trang 31.32 phần bài tập - Hoàn thành bài tập mục 8 trang 57. - Phân biệt sự khác nhau giữa <i>will & be going to</i>, hoàn thành bài tập mục 10 tr.58 tài liệu [2] - Đọc và hoàn thành các bài tập Bài 8 trang 28 TL [1]
8	<p>Unit 8: A taste of it</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến chế biến món ăn. 	2		<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tra từ điển mục 1 trang 61. - Hoàn thành bài tập mục 2 trang 62, mục 4 trang 63, mục 7 trang 64

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>- Phân biệt thì hiện tại đơn và quá khứ đơn ở bị động.</p> <p>- Hội thoại miêu tả cách thức chế biến một món ăn nào đó.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>8.1. Speaking & listening</p> <p>Food history quiz</p> <p>8.2. Focus on Grammar</p> <p>Passive voice: <i>present simple & past simple</i></p> <p>8.3. Vocabulary: Food preparation & cooking</p> <p>8.4. Know how:</p> <p>Consonant cluster</p>				<p>- Hoàn thành bài tập trang 36.37 phần bài tập</p> <p>- Đọc và hoàn thành các bài tập Bài 42,42 trang 130, 133 TL [2]</p>
	* Review + mid-term test	2			Ôn tập từ bài 1 đến bài 8 và chuẩn bị cho thi giữa kỳ
9	<p>Unit 8: A taste of it (cont)</p> <p>Mục tiêu:</p> <p>- Liệt kê các danh từ không đếm được.</p> <p>- Hiểu và sử dụng đúng các mạo từ.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>8.5. Speaking</p> <p>8.6. Language in action: Explaining and giving reasons</p> <p>8.7. Listening</p> <p>8.8. Vocabulary:</p>	4		[1] [2] [3]	<p>- Đọc mục 7b.c trang 64</p> <p>- Hoàn thành bài tập mục 9 trang 65, mục 10 trang 66.</p> <p>- Đọc, tra từ điển & hoàn thành bài tập mục 11 trang 67.68</p> <p>- Hoàn thành bài tập trang 38.39.40 phần bài tập</p> <p>- Chuẩn bị dàn ý bài nói mục 12 trang 68</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>Common uncountable nouns</p> <p>8.9. Focus on Grammar: Use of the and quantifiers</p> <p>8.10. Reading: Ostrich mania</p> <p>8.11. Speaking & writing</p>				
10	<p>Unit 9: By land & by the sea</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến đi du lịch - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn. - Hội thoại, viết về một chuyến tham quan thú vị. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>9.1 Listening: Song</p> <p>9.2 Speaking: On the road again</p> <p>9.3 Listening: Listen to people talking about their best and worst travel experiences</p> <p>9.4 Vocabulary: Travel expressions</p> <p>9.5 In conversation: What's the problem?</p>	4		<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc lời bài hát, điền vào chỗ trống phần 1TL[1] - Luyện đọc & đặt câu với các cụm từ: <i>travel expressions</i> mục 4 tr. 70 - Tổng hợp cấu trúc ngữ pháp, cách sử dụng của thì HTHT tiếp diễn mục 6 trang 71 - Hoàn thành bài tập trang 41.42 phần bài tập - Lập hội thoại theo nội dung mục 7 trang 72. - Đọc, tóm tắt bài đọc mục 9 trang 73 và hoàn thành các bài tập

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>Listen, then read.</p> <p>9.6 Focus on grammar:</p> <p>Present perfect continuous</p> <p>9.7 Language in action:</p> <p>Travel arrangements</p> <p>9.8 Writing:</p> <p>Your most interesting travel story</p>				
11	<p>Unit 9: By land & by the sea (cont)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các danh từ và giới từ - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu Used to, câu điều kiện loại 1. - Hội thoại nói về những điều bạn tin và không tin <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>9.9 Reading: Book review: 8 men & a duck</p> <p>9.10. Prepositions and nouns</p> <p>9.11. Listening: Listen and answer the questions</p> <p>9.12. Focus on grammar: used to V</p> <p>9.13 Know how:</p>	4		<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tra cứu từ vựng, hoàn thành bài tập đọc hiểu mục 9 TL [1] - Nghiên cứu cấu trúc động từ đi với giới từ, danh từ đi với giới từ - Tổng hợp cấu trúc used to & hoàn thành bài tập mục 12 trang 75. - Hoàn thành bài tập trang 43,44,45 phần bài tập - Xem trước nội dung phần nghe - Nghiên cứu các cụm từ dễ nhầm lẫn - Chuẩn bị nội dung ngữ pháp về câu đk loại 1 TL [4] - Liệt kê cấu trúc câu mục Language in action TL [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>Improving fluency</p> <p>Unit 10: Hard to believe</p> <p>10.1 Listening</p> <p>10.2 Vocabulary: Easily confused verbs</p> <p>10.3 Focus on Grammar First conditional</p> <p>10.4 Language in action: Saying what you believe or don't believe</p>				
12	<p>Unit 10: Hard to believe (cont)</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các cụm động từ - Hiểu và sử dụng đúng động từ khuyết thiếu. - Nội dung cụ thể: <p>10.7 Know how</p> <p>Common vowel sounds</p> <p>10.8 Reading: Reading faces</p> <p>10.9 In conversation</p> <p>10.10 Focus on grammar Advisability: Modals and expressions</p> <p>10.11 Listening</p> <p>10.12 Vocabulary: Phrasal verbs</p>	4		<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc, tra từ điển và hoàn thành bài đọc mục 8 trang 83.84, mục 10 trang 85. - Chuẩn bị dàn ý bài nói & viết mục 13 trang 86 - Hoàn thành bài tập trang 48.49.50 phần bài tập
13	<p>Unit 11: Down to earth</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng 	4		<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê các từ vựng thuộc chủ đề địa lý - Đọc trước yêu cầu bài

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	liên quan đến địa lý. - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu với giới từ chỉ sự di chuyển. - Hội thoại chỉ đường. Nội dung cụ thể: 11.1 Speaking 11.2 Vocabulary: Geography 11.3 Listening 11.4 Focus on grammar: Modals: Possibility 11.5 Reading 11.6 Vocabulary: Prep. of movement 11.7 Language in action Directions 11.8 Listening 11.9 Writing				tập nghe - Nghiên cứu cấu trúc, cách sử dụng của các động từ khuyết thiếu - Hoàn thành bài tập mục 4 trang 88 TL[1] - Hoàn thành bài tập mục 6 trang 90 TL[1] - Hoàn thành bài tập trang 51.52 phần bài tập TL[2]
14	Unit 11: Down to earth (cont) Mục tiêu: - Trình bày các cụm từ kết hợp với Get, Make, Take. - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu gián tiếp, câu điều kiện loại 2. - Hội thoại nói về công việc và nghề nghiệp. Nội dung cụ thể: 11.10 In conversation 11.11 Focus on Grammar	4		[1] [2] [3]	- Chuẩn bị nội dung ngữ pháp về câu gián tiếp - Hoàn thành bài tập mục 11 trang 93 - Hoàn thành bài tập trang 53,54,55 phần bài tập. - Đọc và hoàn thành các bài tập Bài 47,48 trang 145, 149 TLTK [2] - Đọc, tra từ điển & hoàn thành các bài tập bài đọc mục 1 trang 95, mục 2 trang 96 - Đọc tìm hiểu về câu điều kiện loại II, hoàn thành

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>Reported requests with ask,tell, want</p> <p>11.12 Know how: Choosing vocabulary to learn</p> <p>11.13 Speaking</p> <p>Unit 12: The right approach</p> <p>12.1. Reading</p> <p>12.2. Vocabulary Expressions with <i>get, make, take</i></p> <p>12.3. Focus on grammar Second conditional</p> <p>12.4. Vocabulary: Jobs and work</p>				<p>bài tập mục 3 tr.97</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị dàn ý bài viết mục 6 trang 98 - Hoàn thành các bài tập trang 56,57 phần bài tập
15	<p>Unit 12: The right approach</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến phong tục - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu hỏi gián tiếp. - Hội thoại nói về các phong tục, tập quán. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>12.5. Writing</p> <p>12.6. Speaking: Work in groups and answer the questions</p> <p>12.7. Reading: Social customs</p> <p>12.8. In conversation:</p> <p>12.9. Focus on grammar</p>	4		<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trả lời câu hỏi mục 7 trang 99. - Đọc, tra từ điển & hoàn thành các bài tập mục 8 trang 100. - Tổng hợp kiến thức ngữ pháp về câu hỏi gián tiếp, hoàn thành các bài tập mục 10 trang 101. - Hoàn thành các bài tập trang 58.59.60 phần bài tập. - Hệ thống lại các kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học - Hoàn thành các bài tập trong sách bài tập

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Making indirect questions 12.10. Know how: Intonation patterns 12.11. Language in action: Politeness * Review				
16	Ôn thi kết thúc học phần			[1] [2] [3]	- Hệ thống lại các kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học từ bài 1-12. - Hoàn thành các bài tập trong đề cương ôn tập.

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Phí Đăng Tuệ

Hoàng Đức Đoàn

Trịnh Thị Chuyên